

Số: **7787**/TCHQ-VP

Hà Nội, ngày **11** tháng 8 năm 2016

V/v báo phản ánh liên quan
đến xuất khẩu khoáng sản

Kính gửi: Báo Tiền phong online.
(Đ/c: 15 Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội)

Liên quan đến việc báo Tiền phong online và các báo khác (30/7/2016) có bài **“xuất khoáng sản đến 5 tỷ USD mà Hải quan không biết”**, trong đó có trích dẫn lời phát biểu của ông Lê Đăng Doanh: **“Tại sao nước ta xuất khẩu khoáng sản kim ngạch đạt đến 5 tỷ USD mà phía Hải quan Việt Nam không biết, thống kê cũng không công bố. Rõ ràng, ngân sách cũng chẳng được đồng nào”**. Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

I/ Về Chênh lệch số liệu thống kê xuất nhập khẩu

1. Về số liệu thống kê xuất khẩu khoáng sản sang Trung Quốc

Các mặt hàng than, quặng và khoáng sản có mã HS thuộc các Chương 25, Chương 26 và từ nhóm 2701 đến 2704 của Chương 27. Trên cơ sở thống kê của Hải quan Việt Nam và nguồn số liệu từ “Cơ sở dữ liệu thương mại của Cơ quan Thống kê Liên Hợp quốc (UNCOMTRADE)” (số liệu của Trung Quốc do Hải quan Trung Quốc báo cáo) cho thấy có sự chênh lệch trong thống kê xuất khẩu hàng khoáng sản Việt Nam xuất khẩu sang Trung quốc của Hải quan Việt Nam với số liệu thống kê nhập khẩu của Trung Quốc. Tuy nhiên, mức chênh lệch lần lượt là 133,4 triệu USD năm 2015 và 386,3 triệu USD năm 2014. Cụ thể như bảng số liệu dưới đây và phụ lục 1 đính kèm.

- Như vậy, theo số liệu của UNCOMTRADE thì tổng trị giá nhập khẩu hàng hóa thuộc các Chương 25, 26 và 27 (từ nhóm 2701 đến 2701) có xuất xứ từ Việt Nam vào Trung Quốc chỉ đạt 253,7 triệu USD năm 2015 và 781,2 triệu USD năm 2014.

Do vậy cần phải làm rõ thêm con số chênh lệch 5 tỷ USD trong xuất khẩu khoáng sản mà Bài báo đã nêu.

**Bảng đối chiếu số liệu thống kê giữa Việt Nam và Trung Quốc
của một số mã hàng năm 2014 và năm 2015**

Đơn vị tính: nghìn USD

Chương	Tên chương	Năm 2014			Năm 2015		
		TQ nhập khẩu từ VN (**)	VN xuất khẩu sang TQ (*)	Chênh lệch	TQ nhập khẩu từ VN (**)	VN xuất khẩu sang TQ (*)	Chênh lệch
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)
25	Muối, lưu huỳnh, đất đá; thạch cao, vôi và xi măng	38.719	20.604	18.115	39.887	20.776	19.111
26	Quặng, xỉ và tro	301.820	130.255	171.565	170.331	99.457	70.874
27 (từ 2701 đến 2704)	Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất...	440.624	244.023	196.601	43.445	0	43.445
	Tổng cộng	781.163	394.882	386.281	253.663	120.233	133.430

Nguồn số liệu: Số liệu Trung Quốc nhập khẩu từ Việt Nam được khai thác trên cơ sở dữ liệu của UNCOMTRADE (tại www.trademap.org);

Số liệu Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc theo thống kê của cơ quan Hải quan Việt Nam; Bảng đối chiếu số liệu thống kê theo mã HS 4 số từ năm 2013-2015 được đính kèm theo Tờ trình này.

2. Về việc chênh lệch số liệu thống kê hàng hóa xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc

Việc chênh lệch số liệu thống kê hàng hóa song phương giữa các nước theo các nguồn số liệu thống kê khác nhau là phổ biến và không thể tránh khỏi. Nguyên nhân chênh lệch số liệu đã được Tổng cục Hải quan phối hợp cùng Tổng cục Thống

kê phân tích và báo cáo giải trình đến Lãnh đạo các cấp, trong đó, xác định có hai nhóm nguyên nhân chính là:

- Phương pháp luận thống kê: do phương pháp thống kê nước đối tác giữa xuất khẩu (là nước hàng đến cuối cùng) và nhập khẩu (là nước xuất xứ hàng hoá); phạm vi hàng hóa đưa vào thống kê; cách xác định trị giá thống kê khác nhau giữa hàng hoá xuất khẩu (giá FOB) và hàng hoá nhập khẩu (giá CIF).

- Buôn lậu, gian lận thương mại từ cả hai phía Việt Nam và Trung Quốc, đặc biệt là ở các mặt hàng là quặng sắt, quặng titan, than đá... ở các tỉnh biên giới.

3. Về việc công bố số liệu thống kê

Tổng cục Hải quan định kỳ 15 ngày và hàng tháng công bố công khai số liệu thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo Lịch công bố thông tin đã được Tổng cục Hải quan phê duyệt và thông báo trên Cổng Thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan (www.customs.gov.vn) tại Chuyên trang Thống kê Hải quan và được công chúng, các bộ, ngành sử dụng rộng rãi;

Tại biểu 1X (xuất khẩu hàng hóa theo kỳ) và biểu 2X (xuất khẩu hàng hóa theo tháng) đều có thống kê số liệu xuất khẩu mặt hàng than đá, quặng và khoáng sản khác. Thống kê hàng hóa xuất khẩu sang các nước và vùng lãnh thổ phân tổ theo nhóm hàng chính cũng được công bố tại biểu 5X (Xuất khẩu hàng hóa sang một số nước/vùng lãnh thổ chia theo mặt hàng chủ yếu).

II/ Về chính sách thuế và quản lý khoáng sản

1. Về thuế xuất khẩu

- a) Căn cứ Điều 2, Điều 3 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Điều 1, Điều 2 Nghị định 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ, thì hàng hóa xuất khẩu là khoáng sản thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu.

- b) Về thuế suất thuế xuất khẩu:

- Theo quy định tại Biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Thông tư số 182/2015/TT-BTC ngày 16/11/2015 của Bộ Tài chính thì một số mặt hàng khoáng sản xuất khẩu chính đã quy định mức thuế suất thuế xuất khẩu tương đối cao nhằm hạn chế xuất khẩu khoáng sản thô và khuyến khích sản xuất, chế biến sâu nâng cao giá trị gia tăng từ việc xuất khẩu khoáng sản. Ví dụ:

- + Quặng titan và tinh quặng titan nhóm 26.14 có mức thuế xuất khẩu từ 30-40%;


+ Một số loại đá có mức thuế xuất khẩu từ 17-30%.

2. Về thuế giá trị gia tăng

Căn cứ Điều 3, Điều 5, Điều 8 Luật Thuế giá trị gia tăng; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, thì hàng hóa xuất khẩu là khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, hàng hóa xuất khẩu là khoáng sản khác thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, thuế suất 0%.

3. Về quản lý xuất khẩu khoáng sản

Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 41/2012/TT-BCT ngày 24/12/2012 và Thông tư số 12/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 quy định về xuất khẩu khoáng sản. Theo đó, Thông tư này quy định danh mục, tiêu chuẩn chất lượng khoáng sản xuất khẩu và điều kiện khoáng sản xuất khẩu; thủ tục xuất khẩu khoáng sản.

Tổng cục Hải quan gửi thông tin để quý Báo rõ và thông tin lại cho bạn đọc. Chúng tôi luôn mong nhận được sự hợp tác chặt chẽ, hiệu quả của quý Báo nhằm đưa đến độc giả những thông tin chính xác, phù hợp với quy định của pháp luật, vì lợi ích chung của toàn xã hội. (Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan cũng đã có văn bản gửi Tiến sỹ Lê Đăng Doanh để làm rõ nguồn thông tin, phạm vi số liệu...). 

Nơi nhận :

- Như trên;
- VP Bộ (để b/c);
- PTCT Nguyễn Dương Thái (để b/c);
- PTCT Nguyễn Công Bình (để b/c);
- Một số cơ quan báo chí (để phản hồi);
- Lưu: VT, VP-TH (03b).

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

